TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠNG GIANG
TỈNH BẮC GIANG
Bản án số: 34/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 19 tháng 6 năm 2017
"V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG – TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đình Thìn
Ông Dương Minh Thiết
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Thành Huyền- Cán bộ TAND huyện Lạng Giang
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa: ông Hoàng Văn Đĩnh – Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 6 năm 2017, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 159/2017/TLST- HNGĐ ngày 15/5/2017 việc "tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2017/QĐST- HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 51 ngày 12/6/2017, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn**: Nguyễn Thị K.H – sinh năm: 1990
Địa chỉ cư trú: Thôn LS1 , xã HT, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng (có đơn xin vắng mặt)

***Bị đơn:** Phạm Trường Gi- sinh năm: 1986 (có mặt)
Địa chỉ: Thôn TV 3, xã TD, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
Nơi công tác: Phòng HC, sư đoàn 365, quân chủng Phòng không - không quân địa chỉ: xã TH, Lạng Giang, Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/4/2017, bản tự khai ngày 15/5/2017 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị K.H trình bày: Chị kết hôn với anh Phạm Trường Gi trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã HT, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng ngày 17/10/2013. Sau khi kết hôn, chị và anh Gi về chung sống cùng nhau ngay và sinh sống cùng gia đình chị tại thôn LS, xã HT, huyện Hòa Vang, Đà Nẵng. Tình cảm vợ chồng sau khi kết hôn có hòa thuận, hạnh phúc. Tháng 1 năm 2014 anh Gi chuyển công tác về sư đoàn 365, quân chủng Phòng không - Không quân đóng quân ở tỉnh Bắc Giang, vợ chồng xa cách do điều kiện công việc của anh Gi nên chị không có ý kiến gì. Tháng 4 năm 2014, khi chị sinh con, anh Gi nghỉ phép về chăm vợ con. Tháng 7 năm 2014 đến tháng 10 năm

2014, chị đưa con về nhà chồng ở xa TD, Lạng Giang chơi, trong thời gian này anh Gi có về thăm và ở với vợ con. Khi chị và con vào Đà Nẵng thì anh Gi ít gọi điện liên lạc với chị. Từ đầu năm 2015 cho đến nay, chị nhận thấy anh Gi có nhiều thay đổi, không muốn chuyển công tác về gần mẹ con chị, không gọi điện, không gửi tiền lo cho con, không mua đồ cho con, các kỳ nghỉ phép đều không về thăm vợ, con. Mặc dù duy trì quan hệ hôn nhân nhưng trên thực tế anh Gi đã không thực hiện đúng nghĩa vụ, trách nhiệm của người chồng, cứ để vợ con tự lo liệu, tự sống, không có bất cứ sự quan tâm nào. Nay giữa chị và anh Gi không còn tình cảm với nhau, việc duy trì tình trạng hôn nhân không có hạnh phúc, do đó chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh Gi ly hôn.

Về con chung: vợ chồng chị có con chung là Phạm Hoài A, sinh ngày 27/4/2014, hiện nay cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường và do chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị yêu cầu Tòa án giao con cho chị nuôi và yêu cầu anh Giang đóng đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung theo mức 2.000.000 đồng/01 tháng kể từ khi ly hôn cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, công nợ chung: vợ chồng không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do con nhỏ, điều kiện công việc và ở xa nên chị Nguyễn Thị K.H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa gửi đến Tòa án. Trong đơn xin vắng mặt chị vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày tại Tòa án.

Bị đơn anh Phạm Trường Gi tại bản tự khai ngày 15/5/2017 và các lời khai tiếp theo trình bày xác nhận về thời gian, điều kiện kết hôn giữa anh và chị K.H đúng như lời khai của chị. Về tình cảm vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc, từ đầu năm 2014 anh chuyển công tác về Bắc Giang, anh vẫn thường xuyên gọi điện hỏi thăm vợ con và có gửi tiền về cho vợ để chăm lo cho con nhưng không thường xuyên vì điều kiện kinh tế của anh khó khăn. Từ năm 2015 cho đến nay vợ chồng anh có nhiều xa cách, không quan tâm đến nhau, vợ chồng cũng nhiều lần cãi vã vì lý do đó. Tuy nhiên anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không nhất trí ly hôn.

Về con chung: vợ chồng anh có một con như chị K.H trình bày, hiện con đang ở cùng chị K.H và anh đề nghị Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Phạm Trường Gi có mặt, anh xác nhận vợ chồng xa cách đã lâu, đến nay vợ chồng không còn tình cảm, nếu vợ chồng duy trì hôn nhân cũng không hạnh phúc nên nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị K.H ly hôn, anh đồng ý để chị K.H nuôi con nhưng không đồng ý với mức tiền cấp dưỡng chị yêu cầu anh đóng góp nuôi con, vì lý do hiện nay tổng thu nhập của anh là 6.133.000 đồng/tháng, anh còn phải lo cho bố, mẹ nên anh chỉ đóng góp 1.000.000 đồng/01 tháng để nuôi con. Ngoài ra, anh Gi không có ý kiến gì khác.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tại phiên toà đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, của thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo thực hiện nghiêm túc, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án, đánh giá yêu cầu khởi kiện và ý kiến trình bày của nguyên đơn, lời khai, ý kiến của bị đơn và các tài liệu chứng cứ thu thập được đề nghị HĐXX áp dụng điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị K.H và anh Gi ly hôn. Về con chung đề nghị giao cho chị K.H nuôi con Phạm Hoài A, sinh ngày 27/4/2014, buộc anh Gi đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung theo mức 2.000.000 đồng/01 tháng, thời gian đóng góp kể từ tháng 7/2017 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Ngoài ra kiểm sát viên đề nghị HĐXX xem xét về án phí, quyền kháng cáo của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi thẩm tra các chứng cứ tại phiên toà;Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

Đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị K.H cùng các tài liệu nộp theo đơn là hợp lệ, đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hình thức, nội dung đơn khởi kiện. Đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình, cụ thể là tranh chấp về ly hôn, nuôi con. Bị đơn anh Gi có quê quán ở thôn TV 3, xã TD, huyện Lạng Giang và hiện công tác tại Sư đoàn 365 có trụ sở đơn vị ở xã TH, huyện Lạng Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang đã thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày 12/6/2017 do anh Giang có đơn xin hoãn phiên tòa nên HĐXX đã ra quyết định hoãn phiên tòa, tại phiên tòa hôm nay anh Giang có mặt, chị Hoa vắng mặt song có đơn xin Tòa án xét xử vắng mặt, nên HĐXX căn cứ điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử theo quy định của pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị K.H và anh Phạm Trường Gi đã kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã HT, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, đã được cấp giấy chứng nhân đăng ký kết hôn số 150, quyển số 01/2013, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị K.H và anh Phạm Trường Gi là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Về tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng: Lời khai của nguyên đơn, bị đơn đều xác nhận sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, có sự quan tâm đến nhau được khoảng một năm. Về mâu thuẫn, chị K.H xác định từ đầu năm 2015 cho đến nay do anh Gi không quan tâm, không có trách nhiệm với vợ, con nên giữa chị và anh Gi đã có mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm với nhau, nên chị yêu cầu ly hôn. Lời khai của anh Gi trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại

phiên tòa đã thừa nhận từ sau khi anh chuyển công tác năm 2014 cho đến nay anh có về Đà Nẵng thăm vợ, con được hai lần, anh có gọi điện hỏi thăm vợ nhưng không thường xuyên, có một vài lần gửi tiền cho chị H nuôi con, Tại phiên tòa anh Gi xác nhận vợ chồng anh cho đến nay không còn tình cảm nên nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, thực trạng hôn nhân giữa chị K.H và anh Gi từ đầu năm 2015 cho đến nay giữa chị K.h và anh Gi đã có những rạn nứt về tình cảm, vợ chồng nhưng không quan tâm đến nhau, cũng không làm tròn trách nhiệm, nghĩa vụ vợ chồng với nhau trong cả đời sống vật chất lẫn tinh thần, việc duy trì tình trạng hôn nhân như vậy không mang đến hạnh phúc. Khi Tòa án giải quyết vụ án đã tổ chức hòa giải, chị H vẫn kiên quyết ly hôn, anh Gi có nguyện vọng đoàn tụ nhưng không đưa ra được căn cứ để chứng minh tình cảm của anh với chị H vẫn còn, hoặc có biện pháp để khắc phục tình trạng hôn nhân giữa anh và chị H, việc hòa giải không thành. Tại phiên tòa anh Gi nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, do chị H vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình để xem xét xử cho chị H và anh Gi ly hôn.

Về con chung: Chị K.H và anh Gi có con chung là Phạm Hoài A, sinh ngày 27/4/2014, xét thấy hiện nay chị K.H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị có nguyện vọng xin nuôi con, anh Gi nhất trí để chị K.H nuôi con, nên HĐXX giao cho chị K.H nuôi cháu Phạm Hoài A.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị K.H yêu cầu anh Gi đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con theo mức 2.000.000 đồng/01 tháng, anh Gi chỉ chấp nhận đóng góp mức cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/01 tháng. HĐXX xét thấy anh Gi là bộ đội có mức lương hiện hưởng là 6.133.000 đồng/tháng, việc anh Gi khai anh còn phải chu cấp nuôi bố mẹ, song anh Gi khai bố anh sinh năm 1958, mẹ sinh năm 1963, hiện đều khỏe mạnh, đều chưa hết tuổi lao động nên đây không phải lý do chính đáng, hơn nữa mức lương của chị H hiện nay là 3.200.000 đ/tháng, vì vậy HĐXX căn cứ điều 110, điều 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình và điều kiện thực tế của anh Gi, chị H cần buộc anh Gi phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con theo mức 2.000.000 đồng/01 tháng, thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 7 năm 2017 cho đến khi cháu Phạm Hoài A đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, công nợ chung: chị Nguyễn Thị K.H và anh Phạm Trường Gi không yêu cầu giải quyết, do vậy HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị K.H phải chịu án phí dân sự ly hôn sơ thẩm, anh Phạm Trường Gi phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Các điều 28; 35; 39; 70, 71, 72, 147; 227; 228; 235; 266; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự; Khoản 5,

khoản 6 điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQHH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị K.H và anh Phạm Trường Gi ly hôn.

*Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị K.H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Phạm Hoài A, sinh ngày 27/4/2017. Anh Gi có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con theo mức 2.000.000 đồng/01 tháng, thời gian đóng góp tính từ tháng 7 năm 2017 cho đến khi cháu Phạm Hoài A đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh Gi có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

*Án phí: chị Nguyễn Thị K.H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2015/0002328 ngày15/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang. Xác nhận chị K.H đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Phạm Trường Gi phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7 a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Án xử công khai sơ thẩm.

***Nơi nhận*:**
-VKSND huyện Lạng Giang;
-THADS huyện Lạng Giang;
-Các đương sự;
-UBND xã HT, H. Hòa Vang
-Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hằng

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

***<u>Nơi nhận</u>*:**
-VKSND huyện Lạng Giang;
-THADS huyện Lạng Giang;
-Các đương sự;
-UBND xã Tân Thịnh
-Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán sơ cấp – Chủ tọa phiên tòa

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán sơ cấp – Chủ tọa phiên tòa**

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán sơ cấp – Chủ tọa phiên tòa**